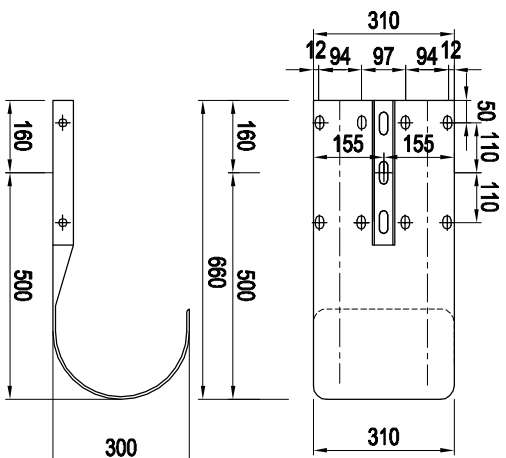
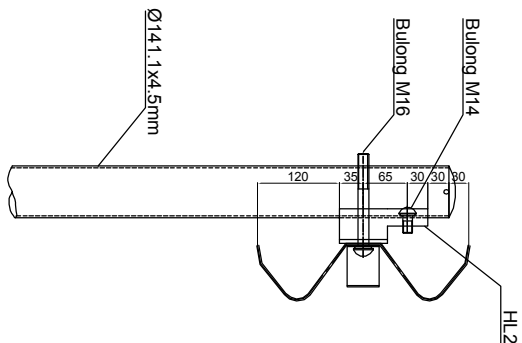
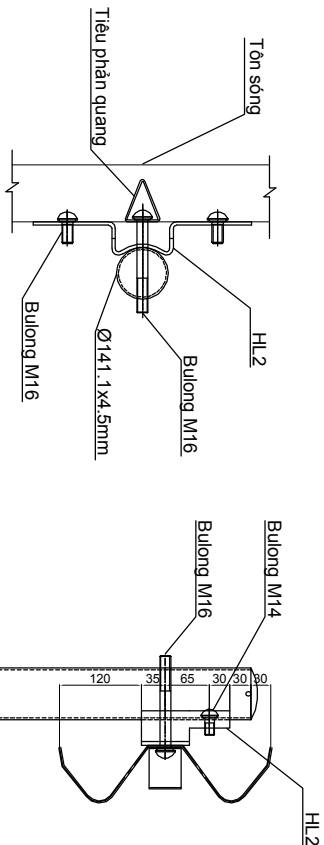
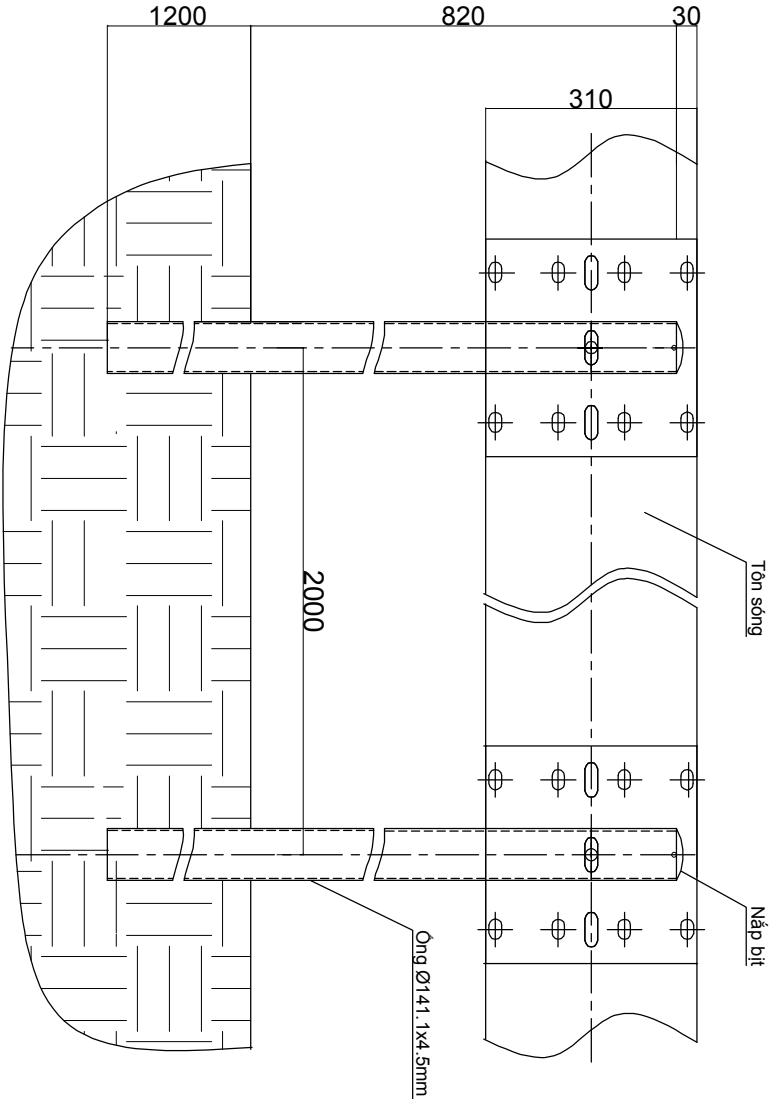
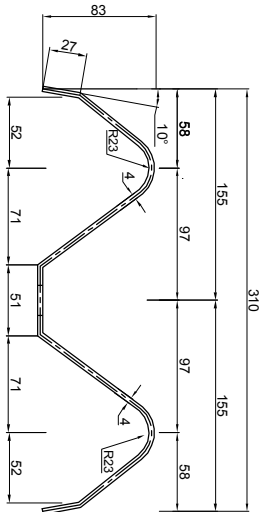


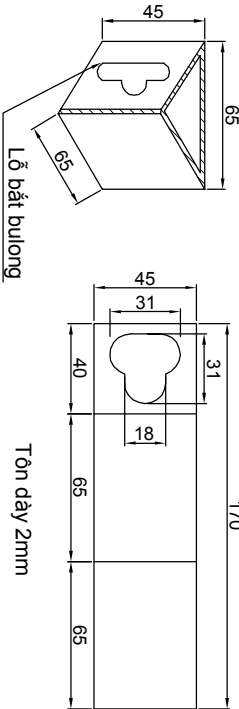
DETAILS OF GUARDRAIL TYPE 2/ CHI TIẾT LAN CAN TỜN SỜNG LOẠI 2



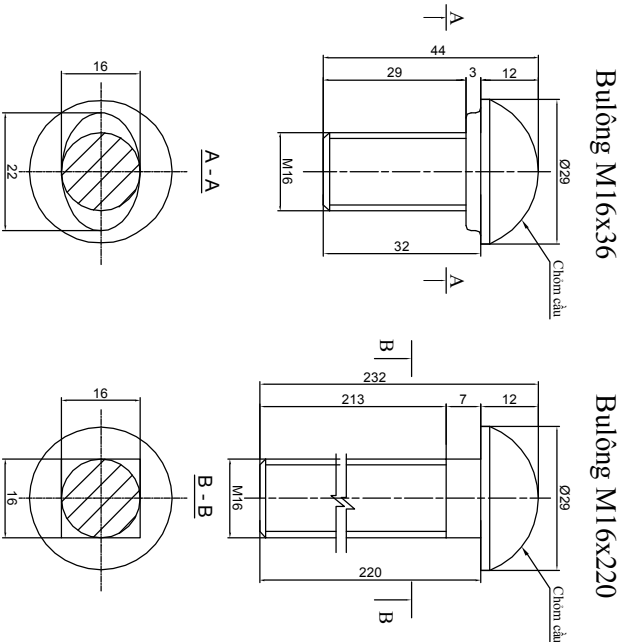
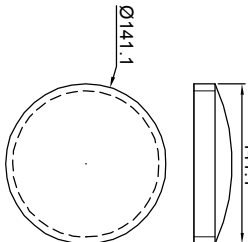
CROSS SECTION OF GUADRAIL



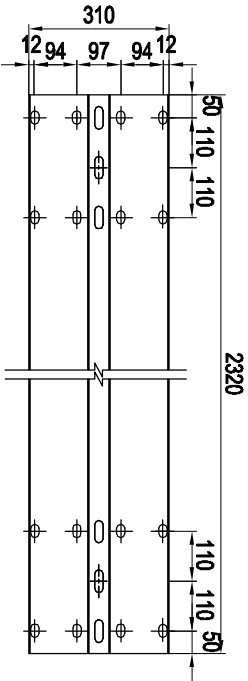
DELINEATOR DETAIL



COVER END



DETAIL OF RAIL / CHI TIẾT TỜN SỜNG



NOTES / GHI CHÚ:

1. ALL DIMENSIONS ARE IN MILLIMETER UNLESS OTHERWISE INDICATED.
TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC GHI TRONG BẢN VẼ ĐƠN VỊ LÀ MİLIMET, TRỪ KHI ĐƯỢC CHỈ RA CỤ THỂ

| | | | | | | | |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------------------------|--|---------------------------------------------------|--|----------------------------------|--|
| MINISTRY OF TRANSPORT VIETNAM | | ENGINEERING DESIGN CONSULTANT | | REMARKS: | | | |
| CLIENT | | PROJECT MANAGEMENT CONSULTANT | | DA NANG-QUANG NGAI EXPRESSWAY DEVELOPMENT PROJECT | | | |
| VIETNAM EXPRESSWAY CORPORATION | | PROJECT MANAGEMENT UNIT NO.85 | | Package: 14B1 Section: Km065+000 - Km099+500.00 | | | |
| The Joint Venture of Nippon Koei Co., Ltd. Nippon Engineering Consultants Co., Ltd. Chodai Co., Ltd. Thai Engineering Consultants Co., Ltd. | | PREPARED BY | | CHECKED BY | | APPROVED BY | |
| NAME | | HOANG DUC CHAU TAKAYASU NAGAI | | LISHIMOTO | | DETAILS OF GUARD RAIL TYPE 2 | |
| SIGNATURE | | | | | | CHI TIẾT LAN CAN TỜN SỜNG LOẠI 2 | |
| DATE | | | | | | SCALE | |
| | | | | | | AS SHOWN | |
| | | | | | | DRAWING NO. | |
| | | | | | | PKG14B1-M1-MISC-100 | |
| | | | | | | REV. NO. | |
| | | | | | | 2 | |